

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 27/2026/KDTM-PT

Ngày: 21-5-2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán điện*”;

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Nguyệt**;

Các Thẩm phán: Ông **Trương Chí Trung**;

Ông **Nguyễn Văn Thọ**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Uyên** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Võ Xuân Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 45/2025/TBTL-TA ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán điện*”;

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 49/2025/KDTM - ST ngày 28 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 93/2026/QĐXXPT-KDTM ngày 23 tháng 2 năm 2026; Thông báo hoãn phiên tòa số: 109/TB-TA ngày 20/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 183/2026/QĐ-PT ngày 23/4/2026, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Công ty TNHH Đ. Địa chỉ: Số A, Biệt thự A Khu đô thị H, xã S, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Hoàng Thị Thanh H**, sinh năm 1997. Địa chỉ liên hệ: P406, Tòa nhà D, số A V, phường C, thành phố Hà Nội (phường Y, quận C, TP Hà Nội cũ), xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Quốc K** – Luật sư **Văn phòng L4** thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, địa chỉ: P, Tòa nhà D, số A V, phường C, thành phố Hà Nội (phường Y, quận C, TP Hà Nội cũ). Có đơn xin vắng mặt và gửi kèm theo luận cứ bảo vệ.

* **Bị đơn:** Tổng công ty Đ1. Địa chỉ trụ sở: G D, phường H, thành phố Đà Nẵng (phường H, quận H, TP Đà Nẵng cũ); Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Tấn C** - Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Duy L**, chức vụ: Phó trưởng ban Pháp chế EVNPC; ông **Lương Nguyễn Quang V**, chức vụ: Phó trưởng Ban Kinh doanh EVNPC; ông **Nguyễn Danh L1**, chức vụ: Chuyên viên Ban pháp chế

EVNPC; ông Nguyễn Thế B, chức vụ: Phó giám đốc Công ty Đ2; Ông L, ông V có mặt, ông Nguyễn Thế B có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Công ty cổ phần T2. Địa chỉ trụ sở: Thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn (Thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn cũ). Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Thế Q – Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị. Vắng mặt.

- Công ty TNHH Đ3. Địa chỉ: Số F, ngõ A, phố V, phường V, thành phố Hà Nội (phường L, quận Đ, TP Hà Nội cũ). Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Minh T – Chức danh: Giám đốc. Vắng mặt.

- Công ty cổ phần T3; Địa chỉ: Lô A+A3.13 Khu C (Khu A), KKT N, phường Q, tỉnh Gia Lai (Xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định cũ). Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Nguyệt N - Chức danh: Giám đốc, Vắng mặt.

- Ông Ngô Thế Q - sinh năm 1962. Địa chỉ: Số D Ngõ E đường L, phường G, TP Hà Nội (phường L, quận Đ, TP Hà Nội cũ). Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thế B - sinh năm 1969; Ông Phan Văn H1 - sinh năm 1975; Ông Lưu Hữu L2 - sinh năm 1996; Ông Nguyễn Đức T1 - sinh năm 1983. Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Số E T, phường Q, tỉnh Gia Lai (phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định cũ). Tất cả xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án; các văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

1. Các yêu cầu khởi kiện:

1.1 Tuyên Hủy Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184592/MTMN ngày 28/12/2020 giữa Tổng Công ty Đ1 và Công ty Đ có hiệu lực pháp luật.

1.2 Buộc Tổng Công ty Đ1 thực hiện đấu nối lại toàn bộ hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty Q&N theo Biên bản nghiệm thu ngày 28/12/2020;

1.3 Buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán tiền điện còn nợ tháng 5, 6, 7/2023 số tiền: 383.007.854 đồng (Ba trăm tám ba triệu, không trăm lẻ bảy ngàn, tám trăm năm tư đồng).

1.4 Buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán toàn bộ tiền lãi do chậm trả tiền điện, số tiền: 163.340.262 đồng (Một trăm sáu ba triệu, ba trăm bốn mươi ngàn, hai trăm sáu hai đồng);

1.5 Buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán tiền phạt hợp đồng do chậm trả tiền điện, số tiền: 414.727.651 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu, bảy trăm hai mươi bảy ngàn, sáu trăm năm một đồng);

1.6 Buộc Tổng Công ty Đ1 Bồi thường thiệt hại cho Công ty Đ do tách đấu nối công suất điện của Dự án, thời gian tính từ ngày 19/7/2023 (thời điểm tách đấu nối) cho tới khi chấm dứt hành vi vi phạm gây thiệt hại, tạm tính tới tháng 8/2025, số tiền: 3.428.355.132 đồng (Ba tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu, ba trăm năm mươi lăm ngàn, một trăm ba hai đồng).

Tổng cộng: 4.389.430.899 đồng (Bốn tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi ngàn, tám trăm chín đồng).

2. Căn cứ của yêu cầu:

2.1 Về Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184592/MTMN ngày 28/12/2020:

Trên cơ sở đó Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà ngày 28/12/2020 đã xác nhận tất cả các thông số kỹ thuật đạt yêu cầu và đồng ý đấu nối. Cùng ngày, **Tổng Công ty Đ1** và **Công ty TNHH Đ** ký kết Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184592/MTMN; Công suất: 880kWp được đầu tư xây dựng và vận hành tại **Lô A; A3.13; A3.14 KCN N (Khu A), Khu K, TP ..**

Trước khi ký kết hợp đồng, ngày 28/12/2020 **Tổng Công ty Đ1** đã phân công cán bộ kỹ thuật tham gia nghiệm thu, kết quả thể hiện đã xác nhận tất cả các thông số kỹ thuật đạt yêu cầu và đồng ý đấu nối mới đi tới ký kết Hợp đồng. Hợp đồng được giao kết dựa trên tinh thần tự nguyện, không vi phạm điều cấm pháp luật, trái đạo đức xã hội. Chủ thể giao đại diện giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, là đại diện hợp pháp của pháp nhân. Mặt khác, để ký được Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184592/MTMN là cả một quá trình đàm phán, đầu tư trong một thời gian giữa các bên.

Vì thế, Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184592/MTMN; có hiệu lực pháp luật và đang còn trong thời gian thực hiện. Buộc **Tổng Công ty Đ1** phải đấu nối toàn bộ hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty Q&N theo Biên bản nghiệm thu ngày 28/12/2020.

2.2 Về yêu cầu buộc **Tổng Công ty Đ1** thanh toán tiền điện còn nợ tháng 5, 6, 7/2023:

Mục 2 Điều 1 của Hợp đồng mua bán điện ghi nhận:

“Bên B có trách nhiệm thanh toán lượng điện năng từ Hệ thống của Bên A phát lên lưới của Bên B theo giá mua điện quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.”;

Mục 1 Điều 3 ghi nhận:

“- Bên B thực hiện ghi chỉ số công tơ vào ngày bên B ghi chỉ số để bán điện cho bên A hàng tháng;

Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ghi số công tơ, bên B sẽ thông báo cho Bên A chỉ số công tơ và lượng điện từ hệ thống phát lên lưới trong thời kỳ thanh toán...”

Lượng điện phát lên lưới do **Tổng Công ty Đ1** xác nhận và thông báo cho **Công ty Đ**. Trên cơ sở đó, **Công ty Đ** đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng tương ứng để đề nghị **Tổng Công ty Đ1** thanh toán. Toàn bộ sản lượng điện đã được phát lên lưới điện của **Tổng Công ty Đ1**, do đó **Tổng Công ty Đ1** có nghĩa vụ phải thanh toán toàn bộ sản lượng điện theo hoá đơn đã xuất.

Tính đến ngày 26/6/2024, **Tổng Công ty Đ1** mới thanh toán được 417.417.538 đồng, cụ thể:

Tháng	Năm	Sản lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Thuế GTGT	Tổng tiền (đồng)
Công Ty TNHH Điện mặt trời Q & N						
5	2023	75.721	1978	149.776.138	14.977.614	164.753.752
6	2023	70.089	1978	138.636.042	11.090.883	149.726.925

7	2023	48.186	1978	95.311.908	7.624.952	102.936.861
TỔNG CỘNG		193.996	417.417.538 đồng (Đã bao gồm VAT)			

- Còn chưa thanh toán:

Tháng	Năm	Sản lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Thuế GTGT	Tổng tiền (đồng)
Công Ty TNHH Điện mặt trời Q & N						
5	2023	69.479	1978	137.429.462	13.742.946	151.172.408
6	2023	64.311	1978	127.207.158	10.176.573	137.383.731
7	2023	44.214	1978	87.455.292	6.996.423	94.451.715
TỔNG CỘNG		178.004	383.007.854 đồng (Đã bao gồm VAT)			

Như vậy, **Tổng Công ty Đ1** còn phải thanh toán cho **Công ty Đ** số tiền : 383.007.854 đồng (Ba trăm tám mươi ba triệu, không trăm lẻ bảy ngàn, tám trăm năm tư đồng).

2.1 Về yêu cầu buộc **Tổng Công ty Đ1** thanh toán toàn bộ tiền lãi do chậm trả tiền điện:

Tại điểm b Mục 3 Điều 4 Hợp đồng mua bán điện ghi nhận:

“...Sau thời hạn nêu trên, bên B không thanh toán cho Bên A thì bên b có trách nhiệm trả lãi phạt chậm trả cho toàn bộ khoản tiền chậm trả tính từ ngày sau đến hạn thanh toán đến ngày Bên B thanh toán. Hai Bên tự thỏa thuận về lãi phạt chậm trả trên cơ sở phù hợp với quy định của Luật Thương mại 2005 và bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Bên bán điện.”

Tại Điều 23 Luật Điện lực 2004 được sửa đổi bởi Khoản 9 Điều 1 Luật điện lực sửa đổi 2012 quy định về thanh toán tiền điện như sau:

“...2. Bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên bán điện...”

4. Lãi suất của số tiền chậm trả hoặc thu thừa do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán...”

Do chậm thanh toán nên **Tổng Công ty Đ1** phải chịu lãi chậm trả với lãi suất tạm tính là: 10,5%/năm.

Đối với tiền lãi do chậm trả tiền điện tháng 5, 6, 7/2023:

Trước ngày 26/6/2024, **Tổng Công ty Đ1** nợ **Công ty Đ** số tiền 800.425.392 đồng. Nên phải trả lãi cho **Công ty Đ** đối với số tiền tính lãi là 800.425.392 đồng, thời gian tính lãi từ tháng 6/2023 tới 25/6/2024. Cụ thể:

Thời gian	Số tiền tính lãi	Lãi suất	Thời gian tính lãi	Số tháng	Thành tiền (đồng)
Tháng 5	315.926.160	10,5%	25/6/2023 - 25/6/2024	12	33.172.247
Tháng 6	287.110.656		25/7/2023 - 25/6/2024	11	27.634.401
Tháng 7	197.388.576		25/8/2023 - 25/6/2024	10	17.271.500
Tổng (1)					78.078.148

Ngày 26/6/2024, **Tổng Công ty Đ1** thực hiện thanh toán tổng 417.417.538 đồng (Bốn trăm mười bảy triệu, bốn trăm mười bảy ngàn, năm trăm ba mươi tám đồng), còn nợ lại: 383.007.854 đồng tới nay chưa thanh toán. Do đó, **Tổng Công ty Đ1** phải tiếp tục trả lãi đối với số tiền điện đang còn nợ. Thời gian tính lãi từ 26/6/2024 tới khi xét xử sơ thẩm là ngày 26/8/2025, số tiền:

$$(383.007.854 * 10,5\%) / 12 * 14 = 46.918.462 \text{ đồng (2)}$$

Đối với tiền lãi do chậm trả tiền điện từ tháng 8/2023 – tháng 3/2024:

Ngày 17/5/2024, **Tổng Công ty Đ1** mới thực hiện thanh toán tiền điện từ tháng 8/2023 – tháng 3/2024. Do vậy, **Tổng Công ty Đ1** phải thanh toán cho Công ty Q&N tiền lãi do chậm trả tiền điện, thời gian tính lãi từ tháng 9/2023 tới 16/5/2024. Cụ thể:

Thời gian	Số tiền tính lãi	Lãi suất	Thời gian tính lãi	Số tháng	Thành tiền (đồng)
Tháng 8/2023	166.626.720	10,5%	16/9/2023 - 16/5/2024	08	11.663.870
Tháng 9/2023	133.301.376		16/10/2023 - 16/5/2024	07	8.164.709
Tháng 10/2023	117.920.448		16/11/2023 - 16/5/2024	06	6.190.824
Tháng 11/2023	81.852.172		16/12/2023 - 16/5/2024	05	3.581.033
Tháng 12/2023	81.723.997		16/01/2024 - 16/5/2024	04	2.860.340
Tháng 01/2024	107.773.286		16/02/2024 - 16/5/2024	03	2.829.049
Tháng 02/2024	120.208.666		16/03/2024 - 16/5/2024	02	2.103.652
Tháng 03/2024	145.908.449		16/4/2024 - 16/5/2024	01	1.276.699
Tổng (3)					38.670.175

Tổng: (1) + (2) + (3) = 163.666.785 đồng

2.4. Đối với yêu cầu buộc **Tổng Công ty Đ1** thanh toán tiền phạt hợp đồng do chậm trả tiền điện:

- Căn cứ điểm b Mục 3 Điều 4 Hợp đồng mua bán điện;

- Căn cứ Điều 300 Luật thương mại 2005:

“*Phạt vi phạm*

Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thỏa thuận, trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại Điều 294 của Luật này”

- Căn cứ Điều 301 Luật Thương mại 2005:

“*Mức phạt vi phạm*

Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này.”

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán và thỏa thuận thu mua điện từ dự án, **Tổng Công ty Đ1** còn phải thanh toán cho **Công ty Đ** khoản tiền tương ứng với 8% phần Hợp đồng vi phạm được xác định là tiền điện chậm thanh toán và tiền thiệt hại tạm tính do bị tách đầu nối được tính tương đương với hoá đơn đã xuất:

+ Tiền chậm thanh toán là tiền điện từ tháng 5/2023 – tháng 3/2024, số tiền: 1.755.740.506 đồng.

+ Tiền thiệt hại (tạm tính tới hết tháng 8/2025), số tiền: 3.428.355.132 đồng (Ba tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu, ba trăm năm mươi lăm ngàn, một trăm ba hai đồng); (Có hoá đơn, bảng kê kèm theo).

Tổng giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng vi phạm (tạm tính tới hết tháng 8/2025): 5.184.095.638 đồng.

Như vậy, **Tổng Công ty Đ1** phải thanh toán cho **Công ty Đ** số tiền phạt hợp đồng là: $5.184.095.638 \times 8\% = 414.727.651$ đồng.

2.5 Về yêu cầu buộc **Tổng Công ty Đ1** bồi thường thiệt hại cho **Công ty Đ** do tách đầu nối công suất điện của Dự án, thời gian tính từ ngày 19/7/2023 (thời điểm tách đầu nối) cho tới khi chấm dứt hành vi vi phạm gây thiệt hại:

Ngày 19/7/2023 **Công ty T3** đã đơn phương tách đầu nối toàn bộ hệ thống điện mặt trời của **Công ty Đ**.

Từ ngày 30/7/2023 tới nay, Dự án điện mặt trời mái nhà của **Công ty Đ** bị tách đầu nối 1024 tấm pin. Đồng nghĩa với mỗi tháng, sản lượng điện bán ra của **Công ty Đ** bị giảm một nửa (đang đầu nối 1116 tấm pin). Do bị tách đầu nối, sản lượng điện thu được và bán ra từ dự án điện bị sụt giảm nghiêm trọng, gây thiệt hại nghiêm trọng cho **Công ty Đ**.

Do đó, **Tổng Công ty Đ1** phải bồi thường thiệt hại cho **Công ty Đ** do tách đầu nối công suất điện của Dự án, thời gian tính từ ngày 19/7/2023 (thời điểm tách đầu nối) cho tới khi chấm dứt hành vi vi phạm gây thiệt hại, thiệt hại được tính tương đương với tiền điện hàng tháng đã xuất hoá đơn, tạm tính tới tháng 8/2025, số tiền: 3.428.355.132 đồng (Ba tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu, ba trăm năm mươi lăm ngàn, một trăm ba hai đồng); (Có hoá đơn, bảng kê kèm theo).

2. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

Tổng Công ty Đ1 phản tố yêu cầu: tuyên Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184592/MTMN ngày 28/12/2020 giữa EVNPC và **Công ty Đ** vô hiệu một phần đối với công suất 455,68 kWp tương ứng với số tấm pin vi phạm là 1024 tấm pin (công suất mỗi tấm là 445Wp) của hệ thống ĐMTMN của **Công ty Đ** do không đủ điều hưởng ưu đãi về giá bán điện theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 20/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam là không có căn cứ, bởi:

Như đã đã phân tích ở Mục 2, Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184582/MTMN ngày 28/12/2020 giữa EVNPC và **Công ty Đ** có hiệu lực pháp luật. EVNPC cho rằng **Công ty Đ** tự ý lắp đặt tấm pin tăng công suất là không có căn cứ không cung cấp được tài liệu chứng minh vị trí cũng như thời gian lắp đặt các tấm pin mà bị đơn cho rằng phía chúng tôi đã lắp đặt thêm. Đối với hình ảnh vệ tinh mà **E** cung cấp, đây không phải là chứng cứ để xem xét trong vụ án.

Công ty Đ đã có Đơn đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ để xác định số lượng tấm pin, từ đó xác định công suất của dự án điện mặt trời áp mái của **Công ty Đ** có vượt quá công suất theo Hợp đồng hai bên đã ký kết hay không, tuy nhiên Toà án vẫn chưa tiến hành.

Do đó, yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – **công ty Đ**; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn – **Tổng Công ty Đ1**.

Theo đơn phản tố; các văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Sau khi xem xét các yêu cầu khởi kiện của **Công ty Đ** và hồ sơ vụ án, **Tổng công ty Đ1** (EVNCPC) có ý kiến như sau:

1. Đối với yêu cầu “Buộc **Điện lực Đ1** thực hiện đấu nối lại toàn bộ hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty Q&N theo Biên bản nghiệm thu ngày 28/12/2020”.

EVNCPC không đồng ý yêu cầu khởi kiện này của Công ty Q&N bởi các lý do sau:

Thứ nhất: Việc EVNCPC thực hiện tách đấu nối đối với một phần hệ thống ĐMTMN của **Công ty Đ** xuất phát từ hành vi cung cấp thông tin không trung thực của **Công ty Đ** về công suất, số lượng tấm pin của hệ thống ĐMTMN trong quá trình nghiệm thu, ký kết HĐMBĐ với EVNCPC (BĐPC) nhằm mục đích hưởng lợi bất hợp pháp từ chính sách ưu đãi về giá bán điện của Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg.

Theo khoản 4 Điều 8 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định “*Giá mua điện tại khoản 2 Điều này được áp dụng cho hệ thống điện mặt trời mái nhà có thời điểm vào vận hành phát điện và xác nhận chỉ số công tơ trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 và được áp dụng 20 năm kể từ ngày vào vận hành phát điện*”. Để được hưởng các chính sách ưu đãi về giá bán điện theo chính sách khuyến khích phát triển điện MTMN của Chính phủ, phía **Công ty Đ** đã thực hiện hành vi cung cấp thông tin không trung thực về hệ thống ĐMTMN trong quá trình nghiệm thu, ký kết HĐMBĐ. Hành vi vi phạm của **Công ty Đ** chỉ bị phát hiện khi có đơn khiếu nại của công dân vào ngày 16/11/2022, ngày 07/6/2023, qua xác minh và thu thập hồ sơ, tài liệu có liên quan, EVNCPC phát hiện **Công ty Đ** đã không trung thực trong việc cung cấp các thông tin về tình trạng, số lượng tấm pin, công suất của hệ thống ĐMTMN tại thời điểm ký HĐMBĐ, cụ thể:

- **Công ty Đ** có Đơn đề nghị nghiệm thu, Giấy đề nghị bán điện trong khi hệ thống ĐMTMN chưa hoàn thành:

+ Hệ thống ĐMTMN của **Công ty Đ** được nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng theo Biên bản số 15/BHNT/NTDVSD ngày 31/12/2020, biên bản này nêu rõ thời gian và địa điểm nghiệm thu “*bắt đầu: 8 giờ 00 phút, ngày 31/12/2020; kết thúc: 9 giờ 00 phút, ngày 31/12/2020*”. Như vậy, việc ngày 19/12/2020 **Công ty Đ** có Đơn đề nghị V/v yêu cầu nghiệm thu đóng điện công trình với nội dung “*Đến nay công trình đã hoàn thành, đúng theo hồ sơ*

thiết kế đã duyệt. Để tạo điều kiện sớm đưa công trình vào vận hành. Công ty TNHH Đ Q&N kính đề nghị Công ty T3 cho tiến hành nghiệm thu công trình”; ngày 23/12/2020 Công ty Đ có Giấy đề nghị bán điện để được Bên mua điện nghiệm thu và ký kết HĐMBĐ vào ngày 28/12/2020 trong khi hệ thống ĐMTNM chưa hoàn thành việc lắp đặt là thiếu trung thực, lừa dối Bên mua điện.

+ Theo Biên bản giao nhận hàng hóa giữa Công ty Cổ phần T2 (đơn vị thi công) và Công ty TNHH I1 thì ngày 28/12/2020 Công ty Cổ phần T2 mới nhận 52 Bộ biến tần năng lượng mặt trời hòa lưới 110 kW, Model: SUN2000-110KTL-M0, hiệu Huawei từ Bên giao hàng (tại trụ sở Công ty có địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn) để phục vụ cho việc lắp đặt hệ thống ĐMTNM của Công ty Đ, do vậy trong ngày 28/12/2020 hệ thống ĐMTNM của Công ty Đ không thể có đầy đủ vật tư thiết bị để hoàn thành xong việc lắp đặt.

- Công ty Đ không trung thực trong việc cung cấp thông tin về công suất, số lượng tấm pin của hệ thống ĐMTNM tại thời điểm nghiệm thu, ký kết HĐMBĐ (28/12/2020):

+ Theo Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật ĐMTNM ngày 28/12/2020 giữa đại diện Công ty T3 (BĐPC) và Công ty Đ, phía Công ty Đ cung cấp thông tin về công suất của hệ thống ĐMTNM là 952,3 kWp; tấm pin mặt trời loại 0,445 kWp/tấm (2140 tấm). Tuy nhiên, theo báo cáo kết quả xác định hiện trạng che phủ của pin năng lượng mặt trời tại thời điểm ngày 29/12/2020 của Cục V1 thể hiện hình ảnh vệ tin viễn thám Planet Scope chụp ngày 29/12/2020 (hình 1, hình 3) đưa ra kết quả xác định hiện trạng che phủ pin năng lượng mặt trời như sau: “*Tại thời điểm ngày 29/12/2020, pin năng lượng mặt trời mới chỉ lắp đặt tại khu vực giữa mái (trong vùng bao bằng đường màu xanh) như trong hình ảnh dưới đây. Các khu vực khác chưa lắp đặt*”. Căn cứ hình ảnh chụp ngày 29/12/2020, các Bên xác định số lượng tấm pin lắp đặt tại thời điểm 29/12/2020 là 1116 tấm theo Biên bản làm việc ngày 29/7/2023 giữa BĐPC và đại diện Công ty Đ.

+ Hồ sơ chứng minh, làm rõ nguyên nhân số lượng tấm pin hệ thống ĐMTNM giảm vào ngày 29/12/2020 cũng có nhiều nội dung không trung thực, không phù hợp với hồ sơ vụ việc:

Theo hồ sơ, ngày 28/12/2020 Công ty Đ có văn bản số 28-12/CV/Q&N-TC về việc kiểm tra, tháo dỡ I và P bị sự cố đi sửa chữa bảo hành hệ thống ĐMTNM gửi Công ty Cổ phần T2, trong khi đó ngày 31/12/2020 các Bên mới ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng nên thời điểm ngày 28/12/2020 Công ty Cổ phần T2 chưa phát sinh nghĩa vụ bảo hành.

Ngoài ra, tại văn bản số 28-12/CV/Q&N-TC ngày 28/12/2020 của Công ty Đ có nội dung “*đề nghị Công ty Cổ phần T2 kiểm tra lại I và một số Pin bị sự cố vào chiều tối ngày 28/12/2020 và đề nghị tháo dỡ I và P bị sự cố ra để đem đi bảo hành sửa chữa thay thế một số hệ thống pin năng lượng mặt trời tại mái nhà xưởng Công ty Cổ phần T3*”. Biên bản nghiệm thu bàn giao ngày 20/01/2021 giữa Công ty Đ và Công ty Cổ phần T2 có nội dung “*hai bên xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện hoàn thành đúng tiến độ từ ngày 31/12/2020 đến ngày 20/01/2021*”, điều này chứng minh việc phải đến ngày 31/12/2020 Công ty Cổ

phần T2 mới thực hiện tháo dỡ I2 và P bị sự cố ra để đem đi bảo hành sửa chữa thay thế, nên việc giảm số lượng tấm pin trong ngày 29/12/2020 là do trước đó hệ thống chưa được lắp đặt đầy đủ.

Để làm rõ việc Công ty Đ có thật sự hoàn thành việc lắp đặt số lượng 2.140 tấm pin (như ghi nhận tại Biên bản nghiệm thu ngày 28/12/2020) hay không. Ngày 05/02/2024 Công ty T3 (BĐPC) đã ký hợp đồng số 01/2024/HĐ-ĐVTTW-BĐPC với V1 (thuộc Cục V1 – Bộ T4) để cung cấp dữ liệu hình ảnh các ngày 27/12/2020 (trước thời điểm nghiệm thu); ngày 28/12/2020 (ngày nghiệm thu) và ngày 29/12/2020 (sau thời điểm nghiệm thu). Căn cứ kết quả tại báo cáo số 26/CV-ĐVTTW ngày 15/02/2024 của Đài Viễn Thám T - Cục V1 khẳng định: “Đối chiếu với mặt bằng bố trí tấm pin do công ty cung cấp thì phạm vi lắp đặt trên sơ đồ tại các ngày 27, 28, 29 tháng 12 năm 2020 là giống nhau và có vị trí như hình dưới (trong vùng bao bằng đường màu đỏ”. Kết luận này hoàn toàn giống với kết luận của báo cáo số 101/ĐVTTW-KHTH ngày 18/7/2023 kết quả xác định hiện trạng che phủ của pin năng lượng mặt trời tại thời điểm ngày 29/12/2020 của V1 mà Công ty Đ đã cung cấp cho BĐPC vào tháng 7/2023. Từ các chứng cứ nêu trên, khẳng định được rằng tại thời điểm ngày 28/12/2020 Công ty Đ chỉ mới hoàn thành việc lắp đặt đối với 1116 tấm pin (thuộc đối tượng được hưởng chính sách giá bán điện theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg (đính kèm vb 26/CV-ĐVTTW).

Bên cạnh đó, việc cung cấp các thông tin không chính xác về số lượng tấm pin, công suất của hệ thống ĐMTMN cũng được phía Công ty Q&N thừa nhận tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2023 đối với “Các nội dung thống nhất giữa các bên tham gia: Qua sản lượng phát tháng 1/2021 so với tháng 1/2022, có khả năng số lượng tấm pin lắp đặt không đúng theo biên bản, hợp đồng đã ký”.

Thứ hai: Dựa vào thông tin không chính xác của Công ty Đ về số lượng tấm pin, công suất của hệ thống, các cá nhân tham gia nghiệm thu thừa nhận có một phần lỗi trong việc kiểm tra lại các thông tin mà Công ty Đ đã cung cấp, theo đó do thời gian nghiệm thu vào 16h30 ngày 28/12/2020 trời mưa và tối nên gây khó khăn trong việc kiểm đếm hệ thống pin.

Thứ ba: Việc tách đầu nối đối với hệ thống ĐMTMN vi phạm được EVNCPC (đại diện là BĐPC) thông báo trong thời hạn hợp lý trước khi thực hiện và có sự hợp tác, thống nhất với Công ty Đ vào ngày 29/7/2023:

Sau khi phát hiện hành vi sai phạm trong công tác lắp đặt, nghiệm thu số tấm pin của Công ty Đ, phía EVNCPC (đại diện là BĐPC) đã có Giấy mời số 3081/GM-BĐPC ngày 23/6/2023, Giấy mời số 3185/GM-BĐPC ngày 28/6/2023 mời Công ty Đ tham dự cuộc họp và nêu rõ trường hợp đại diện của Công ty Đ không tham dự thì sau ngày 03/7/2023 BĐPC sẽ thực hiện tách đầu nối. Sau 02 lần mời họp mà đại diện Công ty Đ không tham dự, BĐPC đã thực hiện nhiều văn bản thông báo cho Công ty Đ trước khi thực hiện tách đầu nối như: Văn bản thông báo số 602/ĐLQN-KD ngày 06/7/2023 về việc ngắt đầu nối hệ thống ĐMTMN ra khỏi lưới điện của ngành điện, văn bản số 3603/BĐPC-TTBVPC+KD ngày 18/7/2023 V/v tách đầu nối 04 hệ thống pin lắp đặt trên mái nhà xưởng của Công ty TNHH T3. Trước hành vi sai phạm của Công ty Đ gây trực tiếp xâm phạm đến quyền, lợi

ích hợp pháp của Nhà nước, của EVN và EVNCPC thì việc EVNCPC tạm ngừng thực hiện hợp đồng (tách đầu nối để ngừng việc mua điện) đối với Công ty Đ trong thời gian chờ quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền là có căn cứ, kịp thời ngăn chặn và làm giảm thiệt hại cho Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện tách đầu nối hệ thống ĐMTMN, BĐPC được phía Công ty Đ hợp tác, thống nhất mới có thể thực hiện được, điều này được thể hiện tại nội dung Biên bản làm việc ngày 29/7/2023 giữa BĐPC và đại diện Công ty Đ thống nhất “*đóng lại số lượng tấm pin này vào ngày 30/7/2023 lên lưới điện Công ty T3*” theo số lượng tấm pin đã lắp đặt xác định theo ảnh ngày 29/12/2020 của Cục VI đối với hệ thống ĐMTMN của Công ty Q&N là 1116 tấm. Hệ thống ĐMTMN là tài sản của Công ty Đ, quá trình thực hiện tách đầu nối đối với 1024 tấm pin vi phạm cần có sự hợp tác và thống nhất với Công ty Đ thì BĐPC mới có thể thực hiện được.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên cho thấy Công ty Đ đã cung cấp các thông tin không trung thực về công suất, số lượng tấm pin của HTĐMT tại thời điểm lắp đặt, nghiệm thu và ký kết HĐMBĐ là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nguyên tắc “*pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực*”, vi phạm khoản 9 Điều 7 Luật điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012 quy định hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện lực là “*Cung cấp thông tin không trung thực làm tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực và sử dụng điện*”, có hành vi lừa dối/ gian lận khiến đại diện của EVNCPC xác định sai các thông tin về công suất, số lượng tấm pin của hệ thống ĐMTMN nên mới ký kết HĐMBĐ. Do đó, EVNCPC yêu cầu Tòa án áp dụng khoản 9 Điều 7 Luật điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012; khoản 3 Điều 3, điểm b, c khoản 1 Điều 117, Điều 123, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tuyên bố HĐMBĐ số PC07AA0184592/MTAM ngày 28/12/2020 vô hiệu một phần đối với công suất hệ thống ĐMTMN lắp đặt thêm không đủ điều kiện hưởng ưu đãi về giá bán điện theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, cụ thể: Tuyên vô hiệu đối công suất 455,68 kWp tương ứng với số tấm pin vi phạm là 1024 tấm pin (công suất mỗi tấm là 0,445 kWp) của Công ty Đ.

2. Đối với yêu cầu buộc Điện lực Đ1 thanh toán tiền điện, toàn bộ tiền bồi thường thiệt hại cho Công ty Đ. EVNCPC có ý kiến như sau:

2.1. Đối với yêu cầu thanh toán tiền điện còn nợ tháng 5, 6, 7/2023 số tiền tạm tính: 383.007.854 đồng:

- EVNCPC chưa có cơ sở thanh toán đối với phần công suất (455,68 kWp) điện phát sinh từ 1.024 tấm pin được lắp đặt, nghiệm thu không đúng (*số lượng tấm pin nằm ngoài phạm vi được ghi nhận từ không ảnh của Cục VI và nhằm mục đích hưởng lợi bất hợp pháp từ chính sách ưu đãi về giá bán điện của Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg*) đồng thời căn cứ hướng dẫn tại văn bản số 1815/EVN-KD ngày 07/4/2022 của Tập đoàn Đ4 về xử lý việc chủ đầu tư tự ý tăng công suất dự án/ hệ thống ĐMTMN. Số liệu của các tháng 5,6,7/2023 của phần công suất vi phạm như sau:

Tháng	Năm	Sản lượng
5	2023	69.479
6	2023	64.311
7	2023	44.214
TỔNG CỘNG		178.004

Hiện nay, giá mua điện đối với hệ thống điện mặt trời mái nhà áp dụng theo khoản 4 Điều 14 Nghị định số 58/2025/ND-CP “*Giá mua bán sản lượng điện dư là giá điện năng thị trường điện bình quân trong năm trước liền kề do đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện công bố nhưng không cao hơn mức giá tối đa của khung giá điện mặt trời mặt đất*”. Giá điện năng thị trường điện bình quân theo công bố hiện là 1.096,5 đ/KWh (Theo văn bản số 1078/NSMO-TTĐ ngày 11/4/2025).

2.2 Đối với tiền bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm, lãi chậm thanh toán EVNCPC không đồng ý vì yêu cầu này của Nguyên đơn là không có cơ sở, cụ thể:

Thứ nhất: Đối với yêu cầu buộc EVNCPC bồi thường thiệt hại cho Công ty Đ do tách đầu nối $\frac{1}{2}$ công suất điện của Dự án cho tới khi chấm dứt hành vi vi phạm gây thiệt hại:

Việc EVNCPC tạm ngừng mua điện xuất phát từ hành vi vi phạm của phía Công ty Đ, trước khi tạm ngừng phía EVNCPC đã có nhiều thông báo cho Công ty Đ trong khoảng thời gian hợp lý để phía Công ty Đ cùng phối hợp giải quyết nhưng phía Công ty Đ không cung cấp được các hồ sơ chứng minh theo nội dung đã cam kết tại Biên bản họp ngày 13/6/2023.

Theo Biên bản làm việc ngày 29/7/2023 giữa BĐPC và đại diện Công ty Đ có nội dung “*Trên cơ sở văn bản số 101/ĐVTTW-KHTH ngày 18/7/2023 của V1 báo cáo kết quả xác định hiện trạng che phủ của pin năng lượng mặt trời tại thời điểm ngày 29/12/2020. Tại trang 4 (có hình 3) giải đoán hình ảnh chụp ngày 29/12/2020 có đóng con dấu đỏ của Đài Viễn thám Trung ương và có phần chữ đỏ ghi “khu vực đã lắp đặt pin năng lượng mặt trời, khu vực chưa lắp đặt pin năng lượng mặt trời”. Trên cơ sở hình ảnh này, xác định số lượng pin đã lắp đặt và chưa lắp đặt của 2 khu vực tương ứng với số lượng pin đã lắp đặt là 3.975 tấm pin số lượng cụ thể đã lắp của từng hệ thống như sau:*

- Công ty TNHH Đ: 956 tấm
- Công ty TNHH Đ: 1.116 tấm.
- Công ty TNHH Đ: 1036 tấm
- Công ty TNHH Đ: 867 tấm

Hai bên thống nhất đóng lại số lượng tấm pin này vào ngày 30/7/2023 lên lưới điện Công ty T3.

Nếu Chủ đầu tư 04 hệ thống điện mặt trời trên mái nhà xưởng Công ty TNHH T3 bổ sung hình ảnh chụp vào ngày 30 hoặc 31/12/2020, xác định được số lượng pin đã lắp đặt hợp pháp, thì Công ty T3 sẽ tiếp tục đóng số lượng pin hợp pháp đó lên lưới điện của Công ty T3”. Theo Biên bản này, Công ty Đ đã thống nhất việc đầu nối đối với 1.116 tấm được xác định theo ảnh ngày 29/12/2020 của Cục V1. Trong quá trình thực hiện đầu nối 1.116 tấm pin và tách đầu nối đối với

1.024 tấm pin vi phạm đối với hệ thống ĐMTMN của Công ty Q&N, BĐPC cần có sự hợp tác và thống nhất với Công ty Đ thì mới có thể can thiệp vào hệ thống ĐMTMN là tài sản của Công ty Đ để thực hiện việc tách đầu nối. Do vậy, việc Công ty Đ yêu cầu bồi thường thiệt hại phát điện là không có căn cứ, không kèm theo hồ sơ chứng minh vi phạm, mức thiệt hại theo Điều 303, 304 Luật thương mại năm 2005 nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của Công ty Đ.

Thứ hai: Đối với yêu cầu thanh toán toàn bộ tiền lãi do chậm trả tiền điện, thời gian tính lãi tính tới khi xét xử xong sơ thẩm:

Căn cứ Điều 4 của Hợp đồng mua bán điện, việc thanh toán tiền điện được thực hiện trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên A, đến ngày 16/5/2024 phía Công ty Q&N mới gửi hồ sơ đề nghị thanh toán. Ngày 17/5/2024 E1 đã thanh toán tiền điện từ tháng 08/2023 đến tháng 04/2024, đối với tiền điện tháng 5, 6, 7/2023 EVNCPC cần tính toán để thanh toán tương ứng với công suất nghiệm thu đúng nên ngày 26/6/2023 EVNCPC thực hiện thanh toán.

Việc tạm dừng thanh toán xuất phát từ hành vi vi phạm của Công ty Đ và trên cơ sở thỏa thuận thống nhất với Công ty Đ tại Biên bản họp ngày 13/6/2023 với nội dung “Qua sản lượng phát tháng 1/2021 so với tháng 1/2022, có khả năng số lượng pin lắp đặt không đúng biên bản, hợp đồng đã ký. Vì vậy, để làm rõ vấn đề trên: + Trong thời gian chờ bổ sung thêm hồ sơ để chứng minh sự phù hợp về mặt pháp lý của hệ thống pin lắp, Công ty T3 tạm dừng thanh toán cho các hệ thống này”.

Do vậy, việc Công ty Đ yêu cầu lãi chậm thanh toán là không phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

Thứ ba: Đối với yêu cầu thanh toán toàn bộ tiền phạt hợp đồng do chậm trả tiền điện, thời gian tính lãi khi xét xử xong sơ thẩm:

Hợp đồng đã ký không có thỏa thuận phạt vi phạm hợp đồng, không quy định mức phạt vi phạm theo quy định tại Điều 300, 301 Luật thương mại năm 2005. Do vậy, việc Công ty Đ yêu cầu phạt chậm thanh toán hợp đồng 8% là không có căn cứ.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 03/7/2024 gửi đến Tòa án ngày 09/7/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần T2 trình bày: Công ty T2 đã nghiêm túc thực hiện Hợp đồng, thi công, lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà theo đúng thiết kế, kỹ thuật với tổng số lượng tấm pin: 2140 tấm, công suất mỗi tấm 0,445kWp/tấm và có biên bản nghiệm thu bàn giao. Các bên đến nay không có tranh chấp.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Đ3, Công ty cổ phần T3, ông Ngô Thế Q mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.*

** Tại các bản trình bày gửi Tòa án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thế B trình bày:*

Với trách nhiệm Phó giám đốc phụ trách công tác kỹ thuật của Công ty T3 (nay là Công ty Đ2), ông Nguyễn Thế B chỉ đạo phòng Kỹ thuật Công ty T5 và tổ

chức kiểm tra kỹ thuật và nghiệm thu các công trình điện (đường dây và trạm biến áp) theo quy định phân cấp của công ty.

Những ngày cuối năm 2020, các dự án điện mặt trời máy nhà chạy đua để kịp đóng điện đưa vào vận hành để được hưởng mức giá FIT theo Quyết định số 13/2020/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhiều chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu dự án đầu tư của mình, Giám đốc Công ty giao cho phòng K1 triển khai thực hiện nghiệm thu công trình định và kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời của chủ đầu tư lắp đặt theo đúng quy định.

Nhận được đơn đề nghị nghiệm thu đóng điện công trình 04 chủ đầu tư lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời trên mái nhà xưởng Công ty CP T3, trong đó có công ty TNHH Đ mặt trời Q&N. Giám đốc Công ty T3 ban hành thông báo số 6959/TB-BĐPC ngày 28/12/2020 về việc triệu tập nghiệm thu kỹ thuật công trình thời gian 28/12/2020 bắt đầu từ 8 giờ, thành phần tham gia nghiệm thu gồm Phòng Kỹ thuật Công ty (Chủ trì), Phòng Kinh doanh Công ty V2.

Ông Nguyễn Thế B không được phân công tham gia nghiệm thu và kiểm tra thông số kỹ thuật các dự án điện mặt trời. Thời gian này, ông ở phòng làm việc điều hành đảm bảo cho lưới điện hoạt động ổn định, liên tục và xử lý các sự cố để đảm bảo cung cấp điện cho khách hàng sản xuất cuối năm, đồng thời kiểm tra các hồ sơ nghiệm thu các công trình điện đường dây và trạm biến áp do công ty cũng như các đơn vị khác đầu tư để kịp nghiệm thu đóng điện trong năm. Do đó khi Phòng kỹ thuật công ty T6 ký nghiệm thu công trình gồm:

- + Biên bản nghiệm thu kỹ thuật công trình điện đường dây 22kV và TBA 1000KVA.

- + Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà.

Vì không tham gia nghiệm thu nên ông không nắm được tình hình thực tế số lượng tấm pin năng lượng mặt trời của Công ty TNHH Đ. Biên Bản trình ký có số liệu rõ ràng, phù hợp với thỏa thuận đấu nối và số liệu đo đạc, đánh giá đạt kỹ thuật, không có tồn tại. Ông đã ký nghiệm thu đóng điện công trình điện và cả hệ thống điện mặt trời mái nhà (để cho các đơn vị kịp hoàn chỉnh các thủ tục ký hợp đồng mua bán điện).

Qua thời gian theo dõi, Điện lực V2 báo cáo số liệu so sánh sản lượng điện tháng 01/2021 với sản lượng điện tháng 01 các năm 2022, 2023 thì nhận thấy sản lượng điện 2021 thấp hơn với tháng 01 các năm 2022 và tháng 01 năm 2023. Đồng thời qua đơn tố cáo nặc danh có nêu số lượng pin lắp đặt thời điểm nghiệm thu không đúng theo Số lượng thực tế thi công, Công ty T3 mời đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đ đến để lấy thông tin về độ trung thực của chủ đầu tư về số lượng pin được lắp đặt tại thời điểm nghiệm thu ngày 28/12/2020. Tuy nhiên, Công ty T3 nhận thấy lý do chủ đầu tư giải trình không phù hợp với ảnh chụp qua vệ tinh vào ngày 29/12/2020 do V1 cung cấp.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Tại các bản trình bày gửi Tòa án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn H1 trình bày:**

1. Công tác nghiệm thu:

Căn cứ đơn đề nghị yêu cầu nghiệm thu đóng điện công trình, BDPC đã ban hành thông báo số 6959/TB-BDPC ngày 28/12/2020 của Giám đốc Công ty T3 về việc triệu tập nghiệm thu kỹ thuật công trình kế hoạch bắt đầu 8h-28/12/2020.

- Ông với vai trò Trưởng phòng kỹ thuật, giao công việc cho ông Lưu Hữu L2 – chuyên viên Phòng kỹ thuật thực hiện công tác nghiệm thu trực tiếp tại hiện trường. Ngày 28.12.2020 ông L2 có báo cho ông công trình chưa hoàn thành kịp vào buổi sáng, do vậy chiều mới bắt đầu.

- Ngày 29/12/2020 ông có nhận được hồ sơ trình ký của ông Lưu Hữu L2 gồm:

+ Biên bản nghiệm thu kỹ thuật công trình điện đường dây 22kV và TBA 1000KVA ĐMT Q&N.

+ Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà Bình A.

+ 4 hình ảnh nghiệm thu chụp bằng điện thoại cá nhân thể hiện thời gian chụp từ 9h30 đến 9h34 phút ngày 29/12/2020.

- Bản trình ký có số liệu rõ ràng, phù hợp với thỏa thuận đấu nối và, không có tồn tại. Ông đã ký nghiệm thu đóng điện công trình.

2. Đánh giá mức độ rủi ro sai sót trong công tác nghiệm thu ngày 28/12/2020:

- Khối lượng công việc giao thực hiện tại địa điểm Công ty CP T3, N, thành phố Q gồm:

+ Nghiệm thu đóng điện ĐZ và TBA nâng của 2 hệ thống Q&N và Bình A;

+ Kiểm tra thông số kỹ thuật của 04 hệ thống điện mặt trời mái nhà Bình A, Q1, Quang L3, T với qui mô 3809,2kWp, số lượng pin 8560 tấm.

+ Chụp ảnh: Không có thiết bị chụp toàn cảnh hệ thống, chỉ có điện thoại cá nhân.

- Thời lượng thực hiện công việc theo kế hoạch là 1 ngày bắt đầu từ 8h-28/12/2020. Tuy nhiên do tình hình thi công chưa xong nên công việc không triển khai theo kế hoạch (8h buổi sáng) mà đến 13h30 – 28/12/2020 mới tiến hành công việc trong điều kiện thời tiết xấu.

Do vậy không thể kiểm đếm hết số lượng pin và nắng cuối ngày hệ thống không phát hết công suất. Điều đó dẫn đến kết quả nghiệm thu ngày 28/12/2020 sai số lượng pin và công suất hệ thống.

3. Các giải pháp đã triển khai kiểm soát ngay sau nghiệm thu:

Ngày 17/1/2021 đã triển khai quay flycam để kiểm đếm xác định số lượng tấm pin thực tế. Kết quả trong 4 hệ thống điện mặt trời mái nhà trên mái C1 thì có hệ thống ĐMT Q&N số lượng pin thực tế thiếu so với số nghiệm thu 105 tấm, ĐLQN-BDPC đã làm việc với C2 kí lại phụ lục hợp đồng theo số lượng pin thực tế giảm;

4. Khẳng định số lượng pin nghiệm thu ngày 28/12/2020 hệ thống điện mặt trời mái nhà Q&N không đúng thực tế lắp đặt (chỉ có 1116 tấm pin – giảm 1024 tấm):

- Thời điểm nghiệm thu kiểm tra pin sau 17h30 ngày 28/12/2020 nên không đủ ánh sáng chụp hình, không đủ năng để đánh giá về công suất. Khi ông L2 đến

chụp ảnh pin trên mái nhà lúc 9h-29/12/2020 không thấy dấu hiệu tháo pin đi sửa chữa. Công ty Đ không có thông tin, báo cáo sự cố hệ thống điện mặt trời sau nghiệm thu.

- Theo báo cáo kết quả xác định hiện trạng che phủ của pin năng lượng mặt trời tại thời điểm ngày 29/12/2020 của Cục V1 thể hiện hình ảnh vệ tin viễn thám Planet Scope chụp ngày 29/12/2020 đưa ra kết quả xác định hiện trạng che phủ pin năng lượng mặt trời như sau: “*Tại thời điểm ngày 29/12/2020, pin năng lượng mặt trời mới chỉ lắp đặt tại khu vực giữa mái (trong vùng bao bằng đường màu xanh) như trong hình ảnh dưới đây. Các khu vực khác chưa lắp đặt*”.

Do vậy ông xác định số lượng pin thực tế lắp đặt ngày 28/12/2020 HT ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ Q&N chỉ có 1116 tấm pin. Ông đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Tại các bản trình bày gửi Tòa án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lưu Hữu L2 trình bày:**

Ông được Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty T3 giao nhiệm vụ đi nghiệm thu đường dây, trạm biến áp và kiểm tra hệ thống ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ của 4 chủ đầu tư lắp đặt 4 hệ thống điện mặt trời trên mái nhà xưởng Công ty cổ phần T3 tại khu K vào thời gian 8h00, ngày 28/12/2020 (trong đó có Công ty TNHH Đ). Tuy nhiên do công trình chưa thi công xong, ông cùng ông Nguyễn Văn Q2 (CV phòng KH-KT ĐLQN) đến tại hiện trường để nghiệm thu vào lúc 13h30.

- Lúc 13h30 ông cùng ông Nguyễn Văn Q2 cán bộ kỹ thuật, Điện lực V2 cùng đại diện của chủ đầu tư bắt đầu kiểm tra phần thiết bị điện từ điểm đầu nối đến trạm biến áp 1000kVA của Công ty TNHH Đ; kiểm tra nghiệm thu trạm biến áp này và các thiết bị hạ thế từ trạm biến áp đến tủ điện. Công nhân treo tháo công tơ đầu nối công tơ đo đếm trước khi đóng điện. Đến 16h15 thì đóng điện thành công trạm biến áp Q3.

- Từ 16h30 đến 17h30 ông kiểm tra thông số hệ thống điện mặt trời mái nhà bằng máy đo chất lượng điện năng tại tủ điện hạ thế ở TBA, kết quả các thông số về tần số, điện áp, sóng hài đảm bảo tiêu chuẩn vận hành.

- Lúc 17h30, ông kiểm tra lắp đặt pin và inverter trên mái nhà xưởng (kiểm tra số lượng inverter và đầu nối các string tại inverter đầy đủ). Tuy nhiên thời tiết lúc này có mây đen, mưa phùn, trời sầm tối, thiếu ánh sáng, có gió lớn, nên không chụp ảnh được, không đếm được số lượng pin cho từng hệ thống (trên mái có lắp đặt chung 04 hệ thống điện mặt trời mái nhà), ông thống nhất số lượng pin ghi vào Biên bản kiểm tra hệ thống điện mặt trời theo hồ sơ hoàn công do chủ đầu tư cung cấp.

- Ngay sau đó ông lập biên bản nghiệm thu đường dây 22kV và trạm biến áp, biên bản kiểm tra thông số hệ thống điện mặt trời mái nhà, gửi chủ đầu tư và đơn vị thi công ký.

- Sáng ngày 29/12/2020, ông quay lại hiện trường và leo lên mái của Công ty TNHH T3 để kiểm tra, dùng điện thoại chụp ảnh lắp đặt hệ thống ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ trong thời gian từ 9h30 đến 9h34 (4 ảnh). Do sử dụng điện thoại

chụp hình với ống kính nhỏ, độ rộng hẹp, không có vị trí đứng trên cao nên không thể chụp tổng thể dự án.

- Đồng thời sáng ngày 29/12/2020, sau khi nhận lại các biên bản từ CĐT, ông trình ký các biên bản nghiệm thu, biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật của hệ thống điện mặt trời mái nhà, gồm:

+ Biên bản nghiệm thu kỹ thuật công trình điện.

+ Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà.

- Khi kiểm tra hệ thống pin, thời tiết không thuận lợi, không đủ điều kiện về phương tiện, công cụ chụp ảnh toàn cảnh (chỉ chụp được 4 ảnh ở các góc độ khác nhau), không đủ điều kiện về ánh sáng, an toàn (pin và inverter lắp trên mái nhà xưởng cao cách mặt đất khoảng 12 mét), nên không thể kiểm đếm chi tiết số lượng pin cho từng hệ thống, dẫn đến kết quả nghiệm thu ngày 28/12/2020 sai số lượng pin và công suất hệ thống.

- Trong thời gian đến leo lên mái nhà để chụp ảnh không thấy người nào của chủ đầu tư có mặt trên mái nhà để sửa chữa lắp đặt lại pin. Trong lúc gặp chủ đầu tư để nhận các Biên bản nghiệm thu thì cũng không có ai nói gì về các hệ thống điện mặt trời bị đấu sai hoặc hư hỏng cần phải sửa chữa.

Ông đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Tại các bản trình bày gửi Tòa án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T1 trình bày:**

1. Công tác nghiệm thu:

Sáng ngày 28/12/2020 ông được Giám đốc Điện lực V2 chuyển thông báo số 6959/TB-BĐPC của Công ty T3 và yêu cầu cử người đi nghiệm thu kỹ thuật công trình điện và kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà của 4 chủ đầu tư lắp đặt trên mái nhà xưởng Công ty T3 vào lúc 08h00 ngày 28/12/2020.

- Với vai trò Trưởng phòng Kế hoạch- Kỹ thuật Điện lực V2, ông phân công ông Nguyễn Văn Q2- Cán bộ Kỹ thuật thuộc phòng V2 thực hiện công tác nghiệm thu trực tiếp tại hiện trường với thời gian bắt đầu 08h00 ngày 28/12/2020 (1 ngày) theo thông báo của Công ty T3.

- Ngày 29/12/2020 ông có nhận được hồ sơ trình ký của ông Lưu Hữu L2 (Chuyên viên Kỹ thuật phòng Kỹ thuật- Công ty T3) gồm:

+ Biên bản nghiệm thu kỹ thuật công trình điện đường dây 22kV và TBA 1000KVA DMT Q&N.

+ Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà Q1.

+ 4 hình ảnh nghiệm thu chụp bằng điện thoại cá nhân thể hiện thời gian chụp từ 9h30 đến 9h34 phút ngày 29/12/2020.

- Bản trình ký có số liệu rõ ràng, phù hợp với thỏa thuận đấu nối và, không có tồn tại. Ông đã ký nghiệm thu đóng điện công trình.

2. Đánh giá mức độ rủi ro sai sót trong công tác nghiệm thu ngày 28/12/2020:

- Khối lượng công việc giao thực hiện tại địa điểm Công ty CP T3, Nhơn Hội TP Q gồm:

+ Nghiệm thu đóng điện ĐZ và TBA nâng của 2 hệ thống Q&N và Bình A;

+ Kiểm tra thông số kỹ thuật của 04 hệ thống điện mặt trời mái nhà **Bình A, Q1, Quang L3, T** với qui mô 3809,2kWp, số lượng pin 8560 tấm.

+ Chụp ảnh: Không có thiết bị chụp toàn cảnh hệ thống, chỉ có điện thoại cá nhân.

- Thời lượng thực hiện công việc theo kế hoạch là 1 ngày bắt đầu từ 8h-28/12/2020.

Tuy nhiên, do tình hình thi công chưa xong nên công việc không triển khai theo kế hoạch (8h buổi sáng) mà đến 13h30 – 28/12/2020 mới tiến hành công việc trong điều kiện thời tiết xấu.

Do vậy không thể kiểm đếm hết số lượng pin và năng cuối ngày hệ thống không phát hết công suất. Điều đó dẫn đến kết quả nghiệm thu ngày 28/12/2020 sai số lượng pin và công suất hệ thống.

3. Các giải pháp đã triển khai kiểm soát ngay sau nghiệm thu:

Giám đốc **Điện lực V2** giao nhiệm vụ triển khai quay flycam vào ngày 17/01/2021 để kiểm đếm xác định số lượng tấm pin thực tế. Kết quả có hình ảnh chụp và video kèm theo. Trong 4 hệ thống điện mặt trời mái nhà trên mái **C1** thì có hệ thống điện mặt trời của **Công ty TNHH Đ** có số lượng pin thực tế thiếu 105 tấm, Điện lực Quy Nhơn đã làm việc với **Công ty TNHH Đ** ký lại phụ lục hợp đồng theo số lượng pin thực tế giảm. Đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Với nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án sơ thẩm số: 49/2025/KDTM-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

Căn cứ vào:

- Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 3 Điều 3, điểm b, c khoản 1 Điều 117, Điều 123, Điều 127 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 300, Điều 306 Luật thương mại 2005;

- Khoản 9 Điều 7 Luật điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

I. Chấp một phần yêu cầu khởi kiện của **Công ty TNHH Đ** đối với **Tổng Công ty Đ1** về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán điện”.

1. Công nhận hiệu lực Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184592/MTMN ngày 28/12/2020 giữa **Tổng Công ty Đ1** và **Công ty TNHH Đ** mặt trời Q&N có hiệu lực đối với phần công suất 496,62 kWp (1116 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc **Tổng Công ty Đ1** thực hiện đầu nối lại phần công suất bị ngắt đầu nối theo hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184592/MTMN ngày 28/12/2020 giữa **Công ty TNHH Đ** và **Tổng Công**

ty Đ1, cụ thể là phần công suất 455,68 kWp (1024 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp)

3. Buộc **Tổng Công ty Đ1** thanh toán tiền điện còn nợ tháng 5, 6, 7/2023 cho **Công ty TNHH Đ** số tiền 212.319.571 đồng (Hai trăm mười hai triệu, ba trăm mười chín ngàn, năm trăm bảy mươi một đồng); Không chấp nhận một phần yêu cầu thanh toán tiền điện tháng 5, 6, 7/2023 của **Công ty TNHH Đ** số tiền: 170.688.283 đồng (Một trăm bảy mươi triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn, hai trăm tám mươi ba đồng).

4. Buộc **Tổng Công ty Đ1** thanh toán số tiền lãi do chậm trả tiền điện tháng 5, 6, 7/2023 đối với phần công suất của 1116 tấm pin cho **Công ty TNHH Đ** mặt trời Q&N là 3.842.528 đồng (Ba triệu, tám trăm bốn mươi ngàn, năm trăm hai mươi tám đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu thanh toán số tiền lãi do chậm trả tiền điện của **Công ty TNHH Đ** số tiền: 159.497.734 (Một trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm chín mươi bảy ngàn, bảy trăm ba mươi bốn đồng).

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc **Tổng Công ty Đ1** thanh toán tiền phạt hợp đồng do chậm thanh toán tiền điện cho **Công ty TNHH Đ** là 414.727.651 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu, bảy trăm hai mươi bảy ngàn, sáu trăm năm mươi một đồng);

6. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc **Tổng Công ty Đ1** bồi thường thiệt hại cho **Công ty TNHH Đ** Q&N do tách đầu nối công suất 455,68 kWp (1024 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp) từ ngày 19/7/2023 cho đến khi chấm dứt hành vi vi phạm gây thiệt hại, tạm tính là 3.428.355.132 đồng (Ba tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu, ba trăm năm mươi lăm ngàn, một trăm ba mươi hai đồng.)

II. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của **Tổng Công ty Đ1** về việc tuyên vô hiệu một phần hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184592/MTMN ngày 28/12/2020 giữa **Công ty TNHH Đ** và **Tổng Công ty Đ1** đối với phần công suất 455,68 kWp (1024 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2025 **Công ty TNHH Đ** kháng cáo toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kinh doanh thương mại ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 49/2025/KDTM-ST ngày 28/9/2025 của **Tòa án nhân dân Khu vực 1 thành phố Đà Nẵng** theo hướng không chấp nhận kháng cáo của **Công ty TNHH Đ** mặt trời Q&N đối với **Tổng Công ty Đ1**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thời hạn kháng cáo: Công ty TNHH Đ kháng cáo đúng thời hạn nên Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết theo phúc thẩm là đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hoàng Thị Thanh H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Công ty cổ phần T2, Công ty TNHH Đ3, Công ty cổ phần T3 và ông Ngô Thế Q đều vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét kháng cáo của Công ty TNHH Đ thì thấy:

Ngày 28/12/2020, Công ty TNHH Đ (bên bán điện, bên A, gọi tắt là Công ty Đ) và Tổng Công ty Đ1 (bên mua điện, bên B, gọi tắt Công ty M) có ký Hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mặt trời mái nhà số P, nội dung: Cùng nhau thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán điện (sau đây gọi là Hợp đồng) để mua bán điện năng được sản xuất từ hệ thống điện mặt trời mái nhà (sau đây gọi là Hệ thống), có công suất lắp đặt là 952.3 kWp với các thông số tại Phụ lục do Bên A đầu tư xây dựng và vận hành tại Khu A (Khu A), xã N, Tp Q, tỉnh Bình Định. Giá mua bán điện của Hệ thống được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam, giá mua bán điện được áp dụng 20 năm kể từ ngày 28/12/2020 đến hết ngày 28/12/2040. Ngoài ra các bên còn có thỏa thuận về điện năng mua bán, xác nhận chỉ số công tơ, điện năng phát lên lưới và lập hóa đơn, thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên, giải quyết tranh chấp và điều khoản thi hành.

[2.1] Đối với yêu cầu tuyên Hợp đồng mua bán điện số C07AA0184592/MTMN ngày 28/12/2020 giữa Tổng Công ty Đ1 và Công ty Đ có hiệu lực pháp luật; Buộc Tổng Công ty Đ1 thực hiện đấu nối lại toàn bộ hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty Q&N theo Biên bản nghiệm thu ngày 28/12/2020, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Biên bản nghiệm thu ngày 28/12/2020 thì số lượng pin là 2140 tương đương công suất 952,3 kWp, tuy nhiên theo kết quả tại báo cáo số 26/CV-ĐVTTW ngày 15/02/2024 của Đài Viễn Thám T - Cục V1 khẳng định: “Đối chiếu với mặt bằng bố trí tấm pin do công ty cung cấp thì phạm vi lắp đặt trên sơ đồ tại các ngày 27, 28, 29/12/2020 là giống nhau và có vị trí như hình dưới “trong vùng bao bằng đường màu đỏ”. Kết luận này hoàn toàn giống với kết luận của báo cáo số 101/ĐVTTW-KHTH ngày 18/7/2023 kết quả xác định hiện trạng che phủ của pin năng lượng mặt trời tại thời điểm ngày 29/12/2020 của V1 mà Công ty Đ đã cung cấp cho BĐPC vào tháng 7/2023. Từ các chứng cứ nêu trên, Tòa án nhận thấy có căn cứ xác định tại thời điểm ngày 28/12/2020 Công ty Đ chỉ mới hoàn thành việc lắp đặt đối với 1116 tấm pin tương đương công suất 496,62 kWp, (445Wp/tấm). Nhận định này phù hợp với toàn bộ tài liệu chứng cứ được thu thập tại hồ sơ vụ án cụ thể: Biên bản giao nhận hàng hóa giữa Công ty Cổ phần T2 (đơn vị thi công) và

Công ty TNHH I1 thì ngày 28/12/2020 Công ty Cổ phần T2 mới nhận 52 Bộ biến tần năng lượng mặt trời hòa lưới 110 kW, Model: SUN2000-110KTL-M0, hiệu Huawei từ Bên giao hàng (tại Cảng C - Tp Hồ Chí Minh). Do vậy trong ngày 28/12/2020 hệ thống ĐMTMN của Công ty Đ không thể có đầy đủ vật tư thiết bị để hoàn thành xong việc lắp đặt tại tỉnh Bình Định. Biên bản họp ngày 29/7/2023 giữa đại diện của Công ty Đ là ông Ngô Thế Q và Điện lực T3 đã lập biên bản họp thống nhất số lượng pin đã lắp đặt của Công ty Q&N ngày 29/12/2020 là 1116 tấm pin. Đến thời điểm hiện nay, Công ty Đ vẫn không chứng minh được công suất, số lượng tấm pin đã lắp đặt vào ngày 30 và 31/12/2020 theo như thống nhất của các bên tại biên bản họp. Ngoài ra, lời khai của những người tham gia ký Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật ngày 28/12/2020 gồm ông Nguyễn Thế B, ông Phan Văn H1, ông Lưu Hữu L2, ông Nguyễn Đức T1 đều thừa nhận có sai sót, không kiểm tra, xác định đúng công suất, số lượng tấm pin đã được lắp đặt hoặc không có mặt tại thời điểm kiểm tra. Biên bản nghiệm thu bàn giao ngày 20/01/2021 giữa Công ty Đ và Công ty Cổ phần T2 có nội dung “hai bên xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện hoàn thành đúng tiến độ từ ngày 31/12/2020 đến ngày 20/01/2021”, điều này thể hiện đến ngày 31/12/2020 Công ty Cổ phần T2 mới thực hiện tháo dỡ I2 và P bị sự cố ra để đem đi bảo hành sửa chữa thay thế, nên việc giảm số lượng tấm pin trong ngày 29/12/2020 là do trước đó hệ thống chưa được lắp đặt đầy đủ.

Như vậy, Công ty Đ không trung thực trong việc cung cấp thông tin về công suất, số lượng tấm pin của hệ thống điện mặt trời mái nhà tại thời điểm nghiệm thu, ký kết hợp đồng để được hưởng giá mua bán điện theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06.4.2020 của Thủ tướng Chính phủ. Hợp đồng ký kết giữa các bên chỉ có hiệu lực đối với phần công suất 496,62 kWp (1116 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp) và vô hiệu đối với phần công suất 455,68 kWp (1024 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp). Do đó, căn cứ thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184592/MTMN ngày 28/12/2020; căn cứ khoản 9 Điều 7 Luật điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012; khoản 3 Điều 3, điểm b, c khoản 1 Điều 117, Điều 123, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015: Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Buộc Tổng Công ty Đ1 thực hiện đấu nối lại toàn bộ hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty Q&N theo Biên bản nghiệm thu ngày 28/12/2020; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tuyên bố HĐMBĐ số PC07AA0184592/MTAM ngày 28/12/2020 vô hiệu một phần đối công suất 455,68 kWp tương ứng với số tấm pin vi phạm là 1024 tấm pin (công suất mỗi tấm là 0,445 kWp) của Công ty Đ. Do bị đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.2] Đối với yêu cầu Buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán tiền điện còn nợ tháng 5, 6, 7/2023 số tiền: 383.007.854 đồng (Ba trăm tám ba triệu, không trăm lẻ bảy ngàn, tám trăm năm tư đồng): Quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận sản lượng điện chưa thanh toán của tháng 5,6,7/2023 là 178.004 kWh. Công ty Đ yêu cầu thanh toán theo Hợp đồng năm 2021 với giá theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Điện lực Miền Trung

không thống nhất vì cho rằng sản lượng này phát từ công suất 455,68 kWp tương ứng với số tấm pin vì phạm là 1024 tấm pin.

HĐXX xét thấy, mặc dù hợp đồng mua bán điện vô hiệu một phần nhưng sản lượng điện tháng 5, 6, 7/2023 từ 2140 tấm pin của Công ty Đ đã được phát lên lưới điện quốc gia nên Điện lực Đ1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Đ. Tập đoàn Đ4 mới thanh toán sản lượng điện đối với 1116 tấm, tương đương công suất 496,62 kWp, (445Wp/tấm) nên cần buộc Tập đoàn Đ4 thanh toán phần sản lượng điện trong tháng 5, 6, 7 /2023 đối với phần công suất (455,68 kWp) điện phát sinh từ 1.024 tấm pin được lắp đặt, nghiệm thu không đúng, tuy nhiên giá điện năng không được áp dụng theo Giá điện năng của Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ mà cần áp dụng giá điện năng thị trường 05 năm vận hành gần nhất, giá thị điện năng thị trường trung bình năm liền kề theo Văn bản số 1078/NSMO-TTĐ ngày 11/4/2025 của Công ty vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia là 1096.5 đ/kWh, cụ thể số tiền là:

Tháng	Năm	Sản lượng KWh	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Thuế GTGT	Tổng tiền (đồng)
Công Ty TNHH Điện mặt trời Q & N						
5	2023	69.479	1096,5	76.183.723,5	7.618.372,35 (10%)	83.802.095,85
6	2023	64.311	1096,5	70.517.011,5	5.641.360,92 (8%)	76.158.372,42
7	2023	44.214	1096,5	48.480.651	3.878.452,08 (8%)	52.359.103.08
TỔNG CỘNG		178.004	212.319.571 đồng (Đã bao gồm VAT)			

Vậy, buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán tiền điện tháng 5, 6, 7/2023 cho Công ty Đ số tiền 212.319.571 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu Buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán toàn bộ tiền lãi do chậm trả tiền điện, số tiền 163.340.262 đồng:

Theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng 2021 thì chủ đầu tư phải có nghĩa vụ lập hồ sơ đề nghị thanh toán và trong thời hạn 07 ngày làm việc thì EVNCPC có nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2023 các bên thống nhất “Trong thời gian chờ bổ sung thêm hồ sơ chứng minh về sự phù hợp về mặt pháp lý của hệ thống pin lắp, Công ty T3 tạm dừng thanh toán cho các hệ thống này”. Đến ngày 16/5/2024, Công ty Đ có giấy đề nghị thanh toán kèm hóa đơn GTGT đối với sản lượng điện từ tháng 5/2023–4/2024. Ngày 26/6/2024 E1 đã thanh toán tiền điện của tháng 5,6,7/2023 với giá trị 417.417.538 đồng (tương ứng với phần công suất của 1116 tấm pin); ngày 17/5/2024 EVNCPC đã thanh toán tiền điện của từ tháng 8/2023-4/2024 với tổng số tiền là 1.123.633.153 đồng. Như vậy, tiền điện của từ tháng 8/2023 đến tháng 4/2024, EVNCPC đã thanh toán sau 01 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị thanh toán hợp lệ, không vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên không phát sinh nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thanh toán.

Đối với tiền điện của tháng 5,6,7/2023 thì đối với sản lượng điện bị tuyên bố vô hiệu thì không có cơ sở xác định nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thanh toán; đối

với sản lượng của 1116 tấm pin thì Điện lực Q&N yêu cầu thanh toán từ ngày 16/5/2024 nhưng đến ngày 26/6/2024 mới được thanh toán; sau thời hạn 07 ngày làm việc theo như quy định tại hợp đồng nên Điện lực Miền Trung phải thanh toán tiền lãi từ 25/5/2024 đến 25/6/2024 (32 ngày).

Về mức lãi suất do chậm thanh toán: Điều 306 Luật thương mại quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Theo Công văn 329/CV-CNBDN-TH ngày 29/8/2025 của Ngân hàng TMCP C3 - Chi nhánh Đ5 xác định lãi suất cho vay thông thường phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường là 9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn. Theo Công văn số 435/CV-BĐN-KT.m ngày 04/9/2025 của Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh Đ5 xác định lãi suất cho vay doanh nghiệp thông thường ngắn hạn trung bình là 6%/năm, trung dài hạn là 9,3%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn. Theo Công văn 181/PĐ.NHNoCM-KH ngày 25/8/2025 của Ngân hàng N2 – Chi nhánh C4 mới N3 xác định lãi suất cho vay thông thường đối với khách hàng doanh nghiệp ngắn đến 03 tháng là 6,0%, trên 03 tháng đến 06 tháng là 6,5%, trên 06 tháng đến 12 tháng là 7,0%; lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn. Do đó, Công ty Q&N yêu cầu tính mức lãi suất 10,5%/năm là phù hợp. Số tiền lãi cụ thể Điện lực Đ1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Đ như sau: $417.417.538 \text{ đồng} \times 10,5\%/năm \times 32 \text{ ngày} = 3.842.528 \text{ đồng}$.

[2.4] Đối với yêu cầu Buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán toàn bộ tiền phạt hợp đồng do chậm trả tiền điện, thời gian tính lãi khi xét xử xong sơ thẩm, tạm tính: 414.717.651 đồng. Theo quy định Điều 300 Luật thương mại “Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thỏa thuận”. Tuy nhiên, tại Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184592/MTMN ngày 28/12/2020 không thỏa thuận về phạt hợp đồng nên không có cơ sở để HĐX xem xét.

[2.5] Đối với yêu cầu Buộc Tổng Công ty Đ1 bồi thường thiệt hại cho Công ty Đ do tách đầu nối công suất điện của Dự án cho tới khi chấm dứt hành vi vi phạm gây thiệt hại, tạm tính: 3.428.355.132 đồng.

Theo thống nhất tại Biên bản họp ngày 29.7.2023 thì “Hai bên đã thống nhất đóng lại số lượng pin này (1116 tấm) vào ngày 30.7.2023 lên lưới điện quốc gia”. Sau đó, Công ty Đ không cung cấp hồ sơ chứng minh lắp đúng và đủ sản lượng, số lượng tấm pin của hệ thống điện mặt trời mái nhà tại thời điểm kiểm tra thông số kỹ thuật và ký kết hợp đồng vào ngày 28/12/2020 cũng như thời điểm đến ngày 31/12/2020 nên Điện lực V2 có Công văn số 602/ĐLQN-KD ngày 06.7.2023 về việc ngắt đầu nối hệ thống điện mặt trời mái nhà ra khỏi lưới điện của ngành điện, bắt đầu ngắt kết nối từ 09 giờ 00 ngày 09/7/2023; Công văn 3603/BĐPC-TTBVPC+KD ngày 18/7/2023 về việc tách đầu nối. Quá trình giải quyết vụ án xác

định hợp đồng vô hiệu một phần nên việc ngắt đầu nối của **Điện lực V2** là có căn cứ, kịp thời ngăn chặn và giảm thiệt hại cho nhà nước. Do đó, HĐXX xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty Đ** về việc bồi thường thiệt hại do tách đầu nối công suất điện của Dự án, thời gian tính từ ngày 19/7/2023 (thời điểm tách đầu nối) cho tới khi chấm dứt hành vi vi phạm gây thiệt hại, thiệt hại được tính tương đương với tiền điện hàng tháng đã xuất hoá đơn, tạm tính tới tháng 8/2025, số tiền: 3.428.355.132 đồng.

[3] Từ những phân tích nhận định như trên, không chấp nhận kháng cáo của **Công ty TNHH Đ** và giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí KDTM-ST:

- **Tổng Công ty Đ1** phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 10.808.105 đồng (Mười triệu, tám trăm lẻ tám ngàn, một trăm lẻ năm đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000257 ngày 02.5.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. **Tổng Công ty Đ1** phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 7.808.105 đồng (Bảy triệu, tám trăm lẻ tám ngàn, một trăm lẻ năm đồng)

- **Công ty TNHH Đ** phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.173.268 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.676.910 đồng theo biên lai thu số 0002671 ngày 21.11.2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.436.634 đồng theo biên lai thu số 0000143 ngày 01.4.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. **Công ty TNHH Đ** phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 60.059.724 đồng (Sáu mươi triệu, không trăm năm mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi bốn đồng).

[5] Do không chấp nhận kháng cáo nên **Công ty TNHH Đ** phải chịu án phí KDTM-PT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 3, điểm b, c khoản 1 Điều 117, Điều 123, Điều 127 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 300, Điều 306 Luật thương mại 2005; Khoản 9 Điều 7 Luật điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của **Công ty TNHH Đ** đối với **Tổng Công ty Đ1**;

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại số: 49/2025/KDTM-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 **thành phố Đà Nẵng**.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: **Công ty TNHH Đ** phải chịu 2.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000

đồng theo Biên lai thu số 0004467 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND Khu vực 1;
- Phòng THADS Khu vực 1;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tổ nghiệp vụ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt